

Số: /KH-UBND

Kiến Hưng, ngày tháng 02 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 12-KH/TU, ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Thực hiện Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 12/02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 12-KH/TU, ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Ủy ban nhân dân xã Kiến Hưng xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57-NQ/TW) và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (Nghị quyết số 71/NQ-CP).

1.2. Xác định nhiệm vụ cụ thể để các phòng, ban, cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch hành động, hiện thực hóa mục tiêu đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KH-CN, ĐMST và CDS) là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của địa phương.

2. Yêu cầu

2.1. Tổ chức triển khai đồng bộ và thống nhất các nhiệm vụ tại địa

phương. Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị của xã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện với lộ trình, thời gian và phân công trách nhiệm cụ thể; thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Định kỳ hằng năm tổ chức đánh giá kết quả để kịp thời điều chỉnh, bổ sung các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của từng đơn vị.

2.2. Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành với các cơ quan, đơn vị, triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp.

2.3. Tập trung thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu đề ra của Kế hoạch thông qua việc hoàn thiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển KHCN, ĐMST và CDS.

2.4. Ưu tiên đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho KHCN, ĐMST, CDS. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số. Đẩy mạnh CDS, ứng dụng KHCN, đổi mới toàn diện trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị, đồng thời tích cực hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, ĐMST, CDS để phát triển kinh tế số.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

1.1. Nâng cao năng lực, sức cạnh tranh của kinh tế địa phương thông qua đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành, lĩnh vực chủ lực nhằm tạo ra các giá trị tăng trưởng mới từ kinh tế số.

1.2. Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, đơn vị lên môi trường số, dựa trên dữ liệu đồng bộ, liên thông; thực hiện hiệu quả dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính và phát triển bền vững.

1.3. Xây dựng hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của thành phố.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

2.1. Các chỉ tiêu theo Nghị quyết 71/NQ-CP

Nhằm thực hiện hiệu quả, đạt được mục tiêu chung trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch của Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã phân công việc theo dõi đánh giá các chỉ tiêu cụ thể cho các phòng, ban, cơ quan, đơn vị tại các (Phụ lục 1) kèm theo Kế hoạch này.

2.2. Các chỉ tiêu đánh giá theo giai đoạn 5 năm

Nhằm thực hiện hiệu quả, đạt được mục tiêu chung trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Ủy ban nhân dân xác định các mục tiêu cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện theo 5 giai đoạn (đến hết năm 2025; đến hết năm 2030; đến hết năm 2035; đến hết năm 2040; đến hết năm 2045); tập trung thực hiện các mục tiêu về: (1) Phát triển hạ tầng; (2) Phát triển nguồn lực; (3) Phát triển khoa học và công nghệ; (4) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; (5) Phát triển chuyển đổi số (*Chi tiết tại Phụ lục 2*).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã về phát triển KHCN, ĐMST và CDS

1.1. Xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chính phủ và Kế hoạch của thành phố, Kế hoạch của Ban Thường vụ Đảng ủy theo hướng đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua phát thanh, trên các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác.

1.2. Xây dựng Kế hoạch thực hiện Kế hoạch của thành phố, Kế hoạch của Ban Thường vụ Đảng ủy theo hướng “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả”. Kế hoạch cần phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp cho từng nhiệm vụ và cần xác định rõ nguồn lực thực hiện (nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất, ...), lượng hóa, cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ, sản phẩm để theo dõi và đánh giá hiệu quả triển khai.

1.3. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển KHCN, ĐMST và CDS của cơ quan, tổ chức; giao trách nhiệm cho cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch về phát triển KHCN, ĐMST và CDS hằng năm.

1.4. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về KHCN, ĐMST, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.

1.5. Phát động phong trào thi đua trong toàn xã để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân và Nhân dân trên địa bàn xã thực hiện thắng lợi Kế hoạch. Biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình

thức đa dạng cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc; Phát động phong trào sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc trong các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS

2.1. Chủ động rà soát, đề xuất trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung ban hành chính sách ưu đãi trong nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo; đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ số, tháo gỡ các điểm nghẽn, các rào cản về thể chế, cơ chế, chính sách và nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của KHCN, ĐMST, CDS.

2.2. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về KHCN, ĐMST và CDS. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp. Rà soát, cắt giảm các thủ tục không cần thiết. Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính.

2.3. Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị để đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về KHCN, ĐMST và CDS. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động KHCN, ĐMST và CDS đáp ứng nhu cầu phát triển của xã và quy định; lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

2.4. Tập trung thúc đẩy khai thác, triển khai, kết nối, hợp tác hiệu quả; tăng cường thu hút các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu, sản xuất và phát triển KHCN, ĐMST và CDS tại địa phương.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho KHCN, ĐMST và CDS

3.1. Tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch về phát triển KHCN, ĐMST và CDS. Xây dựng các chương trình, kế hoạch về Chuyển đổi số xã từng giai đoạn 5 năm, đảm bảo mục tiêu đến năm 2045 theo các văn bản chỉ đạo của thành phố.

3.2. Triển khai hiệu quả kế hoạch phát triển kinh tế số, xã hội số; giao người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; định kỳ đo lường công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển kinh tế số, xã hội số.

3.3. Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn xã.

3.4. Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số.

3.5. Khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội; kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để người dân, doanh nghiệp khai thác, tạo giá trị mới, đổi mới sáng tạo.

3.6. Tạo điều kiện kết nối viện - trường - doanh nghiệp (hợp tác xã), thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống; Ưu tiên các nhiệm vụ khoa học, công nghệ giải quyết vấn đề bức thiết (nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản, bảo vệ môi trường, y tế, giáo dục...).

3.7. Triển khai các ứng dụng sản phẩm, dịch vụ dữ liệu, bảo đảm an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân; triển khai ứng dụng các giải pháp tăng cường an ninh dữ liệu. Khuyến khích phát triển các sản phẩm bảo mật, an ninh dữ liệu.

4. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển KHCN, ĐMST và CDS

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về KHCN, ĐMST, kỹ năng số, công nghệ số; Phát động phong trào “học tập số”, Chương trình “Bình dân học vụ số” nhằm mang lại cơ hội tiếp cận tri thức và nâng cao năng lực học tập cho người dân, đảm bảo tính phổ cập và hiệu quả.

5. Đẩy mạnh CDS, ứng dụng KHCN, ĐMST trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh.

5.1. Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; phổ cập nhanh các dịch vụ số thiết yếu cho người dân. Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số.

5.2. Số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số. Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành,

lĩnh vực: du lịch, nông nghiệp, sản xuất, thương mại điện tử, giáo dục, y tế, môi trường, ... Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh.

5.3. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa xây dựng các cơ sở dữ liệu về văn hóa, các di sản văn hóa số. Xử lý kịp thời các hiện tượng văn hóa số không lành mạnh, ảnh hưởng tới giá trị chung của xã hội, giảm thiểu các tác động tiêu cực mà công nghệ số mang lại tới môi trường, xã hội và người dân, đặc biệt là trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương trên không gian mạng.

5.4. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trọng tâm của địa phương và liên kết chuỗi giá trị sản phẩm trên địa bàn thành phố.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động KHCN, ĐMST và CDS trong doanh nghiệp

6.1. Xây dựng chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã CDS, đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh, thương mại hóa sản phẩm sáng tạo, tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

6.2. Triển khai cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới có sự giám sát của Nhà nước theo lộ trình; Khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về KHCN, ĐMST, CDS cùng với hỗ trợ khởi nghiệp.

6.3. Thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.

6.4. Đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, xây dựng, du lịch,...

7. Tăng cường giám sát, đánh giá

7.1. Tăng cường thực hiện giám sát để theo dõi tiến độ triển khai các nhiệm vụ trong kế hoạch. Đảm bảo công khai các thông tin về tiến độ, nguồn lực sử dụng và kết quả thực hiện của từng nhiệm vụ để các bên liên quan dễ dàng truy cập. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả dựa trên các mục tiêu cụ thể của kế hoạch. Thiết lập thước đo định lượng và định tính để đảm bảo đánh giá chính xác và toàn diện.

7.2. Phân công các phòng, ban, cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm chính trong việc giám sát từng phần nhiệm vụ. Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất để đánh giá tiến độ thực hiện các nhiệm vụ. Yêu cầu các đơn vị liên quan gửi báo cáo tiến độ để tổng hợp và phân tích. Công khai báo cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng để tăng cường tính minh bạch.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ GIAI ĐOẠN 2025 - 2030

1. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp được giao cho xã tại Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 12/02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (Chi tiết tại Phụ lục 3).

2. Các nhiệm vụ cụ thể khác

Căn cứ Kế hoạch của Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã xác định các nhiệm vụ cụ thể về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong giai đoạn 2025-2030 và phân công cho các phòng, ban, cơ quan, đơn vị tại Phụ lục 4 kèm theo Kế hoạch này.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 08/10/2025 về thực hiện Kế hoạch hành động số 12-KH/TU, ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57- NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Các nội dung đã thực hiện theo Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 08/10/2025 tiếp tục được triển khai thực hiện theo Kế hoạch này.

2. Căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã, các phòng, ban, cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp và tổ chức triển khai thực hiện.

3. Giao phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì, cùng các cơ quan, đơn vị theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xã theo quy định. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị các phòng, ban, cơ quan, đơn vị chủ động, kịp thời phản ánh bằng Văn bản (qua phòng Văn hóa - Xã hội tổng hợp), báo cáo Ủy ban nhân dân xã xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Công an thành phố
- Các Sở: KH-CN, Nội vụ;
- TT ĐU, TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các phòng, ban, ngành, đơn vị;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trịnh Thị Thu Huyền

PHỤ LỤC 1: CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ THEO NGHỊ QUYẾT 71/NQ-CP
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /02/2026 của Ủy ban nhân dân xã Kiến Hưng)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Đến năm 2030			
1	Tiềm lực, trình độ KHCN và ĐMST	Thứ bậc	Top 50 của thành phố về phát triển KHCN và ĐMST	Phòng Văn hoá-Xã hội
2	Trình độ, năng lực công nghệ, ĐMST của doanh nghiệp	Thứ bậc	Đạt mức cao của TP	Phòng Văn hoá-Xã hội
3	Xếp hạng năng lực cạnh tranh số	Thứ bậc	Phấn đấu top 30 của TP	Phòng Văn hoá-Xã hội
4	Xếp hạng chỉ số phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số	Thứ bậc	Phấn đấu top 30 của TP	Phòng Văn hoá-Xã hội
5	Quy mô kinh tế số	% GDP	> 35	Phòng Kinh tế
6	Chỉ tiêu về thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử			
6.1	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	≥ 80	Trung tâm PVHCC
6.2	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	100	Trung tâm PVHCC
6.3	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Trung tâm PVHCC
6.4	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Trung tâm PVHCC
6.5	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	100	Trung tâm PVHCC
6.6	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của cơ quan hành chính nhà nước	%	100	Văn phòng HĐND và UBND
6.7	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng HĐND và UBND

6.8	Tỷ lệ các phòng, cơ quan chuyên môn thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng HĐND và UBND
7	Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt	%	> 85	Phòng Kinh tế
8	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động ĐMST	%	> 40	Phòng Kinh tế
9	Chi ngân sách hằng năm cho phát triển KHCN, ĐMST, CDS quốc gia	% tổng chi NSNN	Phấn đấu đạt 3%	Phòng Kinh tế
10	Hạ tầng số		Tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng	Phòng Văn hoá-Xã hội
10.1	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.	%	100	Phòng Văn hoá-Xã hội
10.2	Phủ sóng 5G cho người dân	% dân số	100	Phòng Văn hoá-Xã hội
11	Quản lý nhà nước trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	%	100	Phòng Văn hoá-Xã hội
12	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	> 70	Phòng Văn hoá-Xã hội
13	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	%	> 95	Phòng Văn hoá-Xã hội
14	Xếp hạng về an toàn thông tin mạng	Thứ bậc	< 50	Công an xã
15	Các chỉ tiêu về giáo dục và đào tạo			
15.1	Mức độ CDS đối với các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên địa bàn xã đạt mức 2 trở lên	%	100	Phòng Văn hoá-Xã hội
15.2	Cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số	%	100	Phòng Văn hoá-Xã hội

15.3	Cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên triển khai các chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh (học viên) phù hợp với quy định của Bộ GDĐT quy định tại thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học.	%	100	Phòng Văn hoá-Xã hội
15.4	Các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục	%	95	Phòng Văn hoá-Xã hội
15.5	Cơ sở giáo dục trung học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và ĐMST hoạt động thường xuyên.	%	85	Phòng Văn hoá-Xã hội
15.6	Cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.	%	100	Phòng Văn hoá-Xã hội
II	Đến năm 2045			
17	Mức độ CDS đối với các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên địa bàn xã đạt mức 2 trở lên	%	100	Phòng Văn hoá-Xã hội
18	Các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục	%	100	Phòng Văn hoá-Xã hội
19	Cơ sở giáo dục trung học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và ĐMST hoạt động thường xuyên.	%	100	Phòng Văn hoá-Xã hội

PHỤ LỤC 2: CÁC CHỈ TIÊU THEO DÕI ĐÁNH GIÁ THEO GIAI ĐOẠN 05 NĂM

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /02/2026 của Ủy ban nhân dân xã Kiến Hưng)

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
I	Phát triển hạ tầng							
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn xã.	>60%	100%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa-Xã hội	Bộ số liệu báo cáo
2	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps.	>60%	100%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa-Xã hội	Bộ số liệu báo cáo
3	Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn xã.	-	-	50%	80%	100%	Phòng Văn hóa-Xã hội	Bộ số liệu báo cáo
II	Phát triển nguồn lực							
1	Tỷ lệ chi cho KHCN, ĐMST, CDS trong tổng chi ngân sách xã.	phần đầu ít nhất 3%	phần đầu ít nhất 3%	đạt 3%	đạt trên 3%	đạt trên 3,5%	Phòng Kinh tế	Bộ số liệu báo cáo
2	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	90%	100%	100%	100%	100%	Các cơ quan, đơn vị	Bộ số liệu báo cáo
3	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.	80%	100%	100%	100%	100%	Các cơ quan, đơn vị	Bộ số liệu báo cáo
4	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	80%	90%	95%	97%	100%	Phòng VH-XH; Kinh tế	Bộ số liệu báo cáo

5	Tỷ lệ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số...).	-	-	-	80-90%	> 90%	Phòng Văn hóa-Xã hội	Bộ số liệu báo cáo
6	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên đánh giá mức độ CĐS đạt mức 2 trở lên.	> 75%	> 95%	100%	100%	-	Phòng Văn hóa-Xã hội	Bộ số liệu báo cáo
7	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục đánh giá mức độ CĐS đạt mức 2 trở lên.	> 70%	> 90%	> 95%	100%	-	Phòng Văn hóa-Xã hội	Bộ số liệu báo cáo
8	Tỷ lệ Cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số.	> 90%	100%	-	-	-	Phòng Văn hóa-Xã hội	Bộ số liệu báo cáo
9	Tỷ lệ Cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.	> 80%	-	-	-	-	Phòng Văn hóa-Xã hội	Bộ số liệu báo cáo
10	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên triển khai các chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh (học viên) phù hợp với quy định của Bộ GDĐT quy định tại thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học	-	100%	-	-	-	Phòng Văn hóa-Xã hội	Bộ số liệu báo cáo

11	Tỷ lệ Các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp, ĐMST vào các môn học và hoạt động giáo dục.	-	> 95%		100%	-	Phòng Văn hóa-Xã hội	Bộ số liệu báo cáo
12	Tỷ lệ Cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.	-	100%	-	-	-	Phòng Văn hóa-Xã hội	Bộ số liệu báo cáo
III	Phát triển KHCN							
13	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.	> 10%	> 25%	> 40%	> 60%	> 80%	Phòng Kinh tế	Bộ số liệu báo cáo
IV	Phát triển hệ sinh thái ĐMST							
14	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.	> 15%	> 30%	> 50%	> 70%	> 90%	Phòng Kinh tế	Bộ số liệu báo cáo
15	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.	> 10%	> 25%	> 40%	> 60%	> 80%	Phòng Kinh tế	Bộ số liệu báo cáo
16	Số lượng sáng kiến được thành phố công nhận/năm	1	> 1	> 1	>1	> 2	Phòng Văn hóa-Xã hội	Bộ số liệu báo cáo
V	Phát triển CDS							
17	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.	> 70%	100%	100%	100%	100%	Trung tâm phục vụ HCC	Bộ số liệu báo cáo

18	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.	100%	100%	100%	100%	100%	Trung tâm phục vụ HCC	Bộ số liệu báo cáo
19	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.	> 70%	100%	100%	100%	100%	Các cơ quan, đơn vị	Bộ số liệu báo cáo
20	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	> 99%	100%	100%	100%	100%	Các cơ quan, đơn vị	Bộ số liệu báo cáo
21	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	100%	100%	100%	100%	100%	Các cơ quan, đơn vị	Bộ số liệu báo cáo
22	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.	> 80%	100%	100%	100%	100%	Trung tâm phục vụ HCC	Bộ số liệu báo cáo
23	Tỷ lệ người dân có chữ ký số.	-	> 10%	20%	30%	40%	Công an xã	Bộ số liệu báo cáo
24	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	> 85%	90%	100%	100%	100%	Công an xã; các cơ quan, đơn vị	Bộ số liệu báo cáo

PHỤ LỤC 3: PHÂN CÔNG CÁC NHIỆM VỤ CHUNG CỦA XÃ
THEO NHIỆM VỤ TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 71/NQ-CP
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /02/2026 của Ủy ban nhân dân xã Kiến Hưng)

TT	Tên nhiệm vụ tại Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 71/NQ-CP	Đơn vị chủ trì, theo dõi đánh giá	Kết quả cần đạt	Thời gian hoàn thành
I	NÂNG CAO NHẬN THỨC, ĐỘT PHÁ VỀ ĐỔI MỚI TƯ DUY, XÁC ĐỊNH QUYẾT TÂM CHÍNH TRỊ MẠNH MẼ, QUYẾT LIỆT LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TẠO XUNG LỰC MỚI, KHÍ THỂ MỚI TRONG TOÀN XÃ HỘI VỀ PHÁT TRIỂN KHCN, ĐMST VÀ CDS QUỐC GIA			
1	Cụ thể hóa nhiệm vụ CDS, phát triển KHCN, ĐMST trong chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, đơn vị	Các phòng, cơ quan, đơn vị	Kế hoạch công tác	Thường xuyên
2	Xây dựng kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về KHCN, ĐMST, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Kế hoạch được ban hành	Thường xuyên
II	KHẨN TRƯỞNG QUYẾT LIỆT HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, XÓA BỎ MỌI TƯ TƯỞNG, QUAN NIỆM, RÀO CẢN ĐANG CẢN TRỞ SỰ PHÁT TRIỂN, ĐƯA THỂ CHẾ THÀNH MỘT LỢI THỂ CẠNH TRANH TRONG PHÁT TRIỂN KHCN, ĐMST VÀ CDS			
3	Hoàn thành số hóa hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan đến người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ; tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp	Các phòng, cơ quan, đơn vị	Hoàn thành số hóa	Tháng 10/2025
4	Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, đất đai, doanh nghiệp, triển khai tiếp cận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố	Các phòng, cơ quan, đơn vị	Thủ tục hành chính được tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình	Tháng 12/2025

III	TĂNG CƯỜNG ĐẦU TƯ, HOÀN THIỆN HẠ TẦNG CHO KHCN, ĐMST VÀ CDS QUỐC GIA			
5	Khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội; kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	Các phòng, cơ quan, đơn vị	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
6	Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn xã	Phòng Văn hóa – Xã hội	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
IV	ĐẨY MẠNH CDS, ỨNG DỤNG KHCN, ĐMST TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ; NÂNG CAO HIỆU LỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRÊN CÁC LĨNH VỰC, BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH			
7	Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; phổ cập nhanh các dịch vụ số thiết yếu cho người dân. Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số	Các phòng, cơ quan, đơn vị	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
8	Số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số. Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: du lịch, nông nghiệp, sản xuất, thương mại điện tử, giáo dục, y tế, môi trường, ... Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh.	Các phòng, cơ quan, đơn vị	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên

PHỤ LỤC 4: PHÂN CÔNG CÁC NHIỆM VỤ KHÁC TẠI XÃ
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /02/2026 của Ủy ban nhân dân xã Kiến Hưng)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
I	Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã về phát triển KHCN, ĐMST và CDS				
1	Tổ chức tuyên truyền về Nghị quyết số 57- NQ/TW, về KHCN, ĐMST và CDS với hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú (hội nghị, buổi sinh hoạt, tài liệu, video,...) để nâng cao nhận thức, quyết tâm, phát triển KHCN, ĐMST, CDS trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, tạo niềm tin, khí thế mới trong xã hội.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị, các thôn	Kế hoạch, hội nghị	Hàng năm
2	Tham mưu phát động phong trào thi đua để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân và Nhân dân trên địa bàn thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 57- NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị, các thôn	Kế hoạch	Tháng 03/2026
II	Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS				
1	Rà soát các quy định của pháp luật liên quan về KHCN, ĐMST và CDS thành phố đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị,	Phòng Văn hóa – Xã hội	Kế hoạch, báo cáo	Hàng năm

	hoặc ban hành mới theo thẩm quyền.	các thôn			
2	Xây dựng kế hoạch để phát triển KHCN, ĐMST và CDS của xã giai đoạn 2026-2030 và các giai đoạn tiếp theo.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị, các thôn	Kế hoạch	2026-2030
3	Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện chiến lược CDS, kinh tế số xã.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị, các thôn	Kế hoạch	2027
III	Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho KHCN, ĐMST và CDS				
1	Cân đối ngân sách dành cho hoạt động KHCN, ĐMST và CDS phù hợp với khả năng của ngân sách xã, phần đầu bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách xã hằng năm.	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị, các thôn	Báo cáo	Hằng năm
2	Triển khai cấp chứng thư số đến 100% cán bộ, công chức của xã.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị	Báo cáo hoàn thành	Tháng 11/2026
3	Đề xuất các giải pháp phát triển lĩnh vực công nghiệp văn hóa, công nghiệp văn hóa số, xây dựng sản phẩm du lịch số, hệ sinh thái du lịch thông minh.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị	Báo cáo	Hằng năm
4	Xây dựng các dự án đầu tư công về phát triển KHCN, ĐMST và CDS trong giai đoạn 2026 – 2030 và các giai đoạn tiếp theo.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị	Báo cáo/Dự án đầu tư	2026-2030
5	Tổ chức hội nghị, tập huấn về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, các sự kiện khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chú trọng các lĩnh vực công nghệ chiến lược; trí tuệ nhân tạo; công nghiệp bán dẫn; dữ liệu và chuyển đổi số quốc gia.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị	Kế hoạch	Hằng năm
6	Xây dựng, triển khai Kế hoạch chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông theo quy định	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị	Kế hoạch	2026

7	Hướng dẫn và triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu trên địa bàn xã	Công an xã	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị	Văn bản hướng dẫn	Thường xuyên
8	Hướng dẫn, triển khai các giải pháp mã hóa, bảo mật thông tin, dữ liệu trong lĩnh vực quốc phòng trên địa bàn xã	Ban Chỉ huy Quân sự xã	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị	Văn bản hướng dẫn	Thường xuyên
IV	Đẩy mạnh CDS, ứng dụng KHCN, ĐMST trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh				
1	Ứng dụng công nghệ thông minh trong quản lý hạ tầng.	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị	Báo cáo	Hàng năm
2	Phối hợp thiết lập hạ tầng viễn thông di động mặt đất công nghệ 5G	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị	Báo cáo	Hàng năm
3	Bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên nền tảng số và không gian mạng.	Công an xã	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị	Văn bản hướng dẫn	Thường xuyên
4	CDS trong dạy học thông minh: xây dựng và triển khai nền tảng học tập số hỗ trợ học trực tuyến, học kết hợp được cá nhân hóa. Ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR), AI trong quá trình dạy và học.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị	Báo cáo	Hàng năm
5	Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị	Kế hoạch, Báo cáo	Hàng năm
6	Xây dựng văn hóa cộng đồng, giữ gìn bản sắc dân tộc, thuần phong mỹ tục trên môi trường số, trên không gian mạng.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị	Báo cáo	Hàng năm
7	Tăng cường giám sát trên không gian mạng để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân	Công an xã	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị	Văn bản hướng dẫn	Thường xuyên
8	Phối hợp phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trọng tâm của địa phương và liên kết chuỗi giá trị sản phẩm trên địa bàn thành phố	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị	Báo cáo	Hàng năm